

Số ~~158~~ /KH-UBND

Rạch Giá, ngày 12 tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 trên địa bàn thành phố Rạch Giá

Căn cứ Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 30/8/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 trên địa bàn thành phố, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Rà soát, đánh giá tình hình biến động hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2022-2025 để làm cơ sở thực hiện chính sách giảm nghèo.

Xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình làm cơ sở thực hiện chính sách hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế từ ngân sách nhà nước.

2. Yêu cầu

Công tác rà soát phải thực hiện đúng phương pháp, quy trình, bảo đảm tính dân chủ, công khai, minh bạch, có sự tham gia của người dân nhằm xác định đúng đối tượng, phản ánh đúng thực trạng đời sống của người dân ở địa phương.

Rà soát viên phải là người hiểu biết tình hình dân cư tại địa bàn và trực tiếp đến phỏng vấn, thu thập thông tin của từng hộ và phản ánh đúng tình hình thu nhập của hộ theo các tiêu chí quy định tại phiếu rà soát.

Kết quả rà soát phải phân loại được hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo các tiêu chí quy định.

II. NỘI DUNG

1. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025



1.1. Đối tượng, phạm vi rà soát:

- Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND phường, xã đang quản lý tại thời điểm rà soát.

- Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

1.2. Chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025

a) Hộ nghèo:

- Thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Hộ cận nghèo:

- Thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

1.3. Phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

a) Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (**gọi là điểm A**):

+ Thành thị: 175 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.000.000 đồng/người/tháng.

+ Nông thôn: 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng.

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (**gọi là điểm B**): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

b) Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo:

- Hộ nghèo: hộ có điểm $A \leq 175$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm ở khu vực thành thị hoặc có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm ở khu vực nông thôn.

- Hộ cận nghèo: hộ có điểm $A \leq 175$ điểm và điểm $B < 30$ điểm ở khu vực thành thị hoặc có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B < 30$ điểm ở khu vực nông thôn.

1.4. Quy trình rà soát

* Rà soát định kỳ thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg. Bao gồm 6 bước:

Bước 1: Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát.

Ban Chỉ đạo rà soát phường, xã chủ trì, phối hợp với khu phố, ấp và rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát, gồm:

a) Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND phường, xã đang quản lý tại thời điểm rà soát.

b) Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

Bước 2: Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình.

Ban Chỉ đạo rà soát phường, xã chủ trì, phối hợp với trưởng khu phố, ấp và rà soát viên thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

Bước 3: Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát.

a) Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát phường, xã; công chức phụ trách công tác giảm nghèo phường, xã; Trưởng khu phố, ấp (*chủ trì họp*), Bí thư Chi bộ, đoàn thể khu phố, ấp; rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, xã giám sát.

b) Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (*chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo*). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại theo quy định tại bước 2, bước 3.

c) Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản, có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (*01 bản lưu ở khu phố, ấp, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát phường, xã*).

Bước 4: Niêm yết, thông báo công khai.

a) Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại trụ sở khu phố, ấp và trụ sở UBND phường, xã,... trong thời gian 03 ngày làm việc; hồ sơ niêm yết gồm: Thông báo niêm yết công khai danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo mới sau rà soát, hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình; hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo. Kết thúc niêm yết phải có biên bản ghi nhận thời gian niêm yết, các phản ánh, kiến nghị (nếu có) và có sự giám sát của UB.MTTQVN cùng cấp.

b) Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát phường, xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại trụ sở khu phố, ấp và trụ sở UBND phường, xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

c) Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát phường, xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND phường, xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát).

Bước 5: Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch UBND thành phố.

a) Chủ tịch UBND phường, xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch UBND thành phố về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

b) Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch UBND phường, xã, Chủ tịch UBND thành phố có ý kiến trả lời bằng văn bản.

Bước 6: Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo.

Chủ tịch UBND phường, xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch UBND thành phố, ra quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn theo Mẫu số 02 và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg, gồm: (1) Quyết định công nhận hộ nghèo mới sau rà soát kèm danh sách; (2) Quyết định công nhận hộ cận nghèo mới sau rà soát kèm danh sách; (3) Quyết định công nhận hộ thoát nghèo sau rà soát kèm danh sách; (4) Quyết định công nhận hộ thoát cận nghèo sau rà soát kèm danh sách.

** Rà soát thường xuyên thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.*

(1) Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc Giấy đề nghị công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chủ tịch UBND phường, xã.

(2) Chủ tịch UBND phường, xã chỉ đạo Ban Chỉ đạo rà soát phường, xã thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên theo Bước 2, 3 và 4 của quy trình rà soát định kỳ; quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát (từ ngày 15 hàng tháng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg). Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định, Chủ tịch UBND phường, xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Biểu mẫu rà soát, tổng hợp

- Các mẫu số 01, 02, 03, 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

- Các mẫu tại Phụ lục I, II, V, VI ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.

- Các mẫu tại Phụ lục III, IV ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH.

- Hệ thống mẫu, biểu tổng hợp dựa trên mẫu, biểu của cấp tỉnh theo Mẫu số 7.1, 7.2, 7.3, 7.4, 7.5, 7.6, 7.7 và 7.11 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.

- Hệ thống mẫu, biểu tổng hợp dựa trên mẫu, biểu của cấp tỉnh theo Mẫu số 7.8, 7.9 và 7.10 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH.

3. Xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025

3.1. Đối tượng, phạm vi

Hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp trên địa bàn thành phố.

3.2. Chuẩn hộ có mức sống trung bình

- Thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

- Nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

3.3. Xác định thu nhập hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình

- Phương pháp: Xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình (Phiếu khảo sát, xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH).

- Quy trình xác định thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg:

(1) Hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Cư trú làm việc trong các lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp có giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chủ tịch UBND phường, xã.

(2) Chủ tịch UBND phường, xã chỉ đạo Ban Chỉ đạo rà soát phường, xã tổ chức xác định thu nhập của hộ gia đình; niêm yết, thông báo công khai kết quả tại trụ sở UBND phường, xã trong thời gian 05 ngày làm việc; tổ chức phúc tra trong thời gian 03 ngày làm việc (nếu có khiếu nại) và quyết định công nhận hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát (từ ngày 15 hàng tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg). Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định, Chủ tịch UBND phường, xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Mốc thời gian rà soát

a) Thời gian rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo:

- Rà soát định kỳ: Thực hiện từ ngày 01/9/2021 đến ngày 01/10/2022.

- Rà soát thường xuyên: Thực hiện hàng tháng (từ tháng 01/2023 đến tháng 8/2023).

b) Thời gian xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình: Thực hiện từ ngày 15 hàng tháng.

5. Thời gian tiến hành rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Thành phố triển khai kế hoạch và tập huấn nghiệp vụ rà soát đến phường, xã, khu phố, ấp và rà soát viên (dự kiến trước ngày 21/9/2022); phường, xã xây dựng kế hoạch, quyết định thành lập Ban chỉ đạo rà soát và triển khai thực hiện (trước ngày 28/9/2022).

- Từ ngày 29/9 đến 24/10/2022 rà soát viên tiến hành rà soát theo phiếu.

- Từ ngày 25/10 đến 03/11/2022 các khu phố, ấp tổ chức họp thống nhất kết quả rà soát, tổng rà soát và báo cáo kết quả về phường, xã.

- Từ ngày 04/11 đến 12/11/2022 các phường, xã tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát gửi về phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố.

- Từ ngày 12/11 đến ngày 20/12/2022, phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo kết quả sơ bộ về UBND thành phố và Sở Lao động-TB&XH.

- Trước ngày 14/12/2022, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu UBND thành phố tổng hợp báo cáo kết quả chính thức về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh.

5. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ gia đình làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 chi từ kinh phí sự nghiệp được UBND tỉnh phân bổ cho Sở Lao động-Thương binh và Xã hội theo dự toán đầu năm.

Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố tham mưu cho UBND thành phố bổ sung thêm kinh phí tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho khu phố, ấp; chế độ công tác phí, làm ngoài giờ cho thành viên Ban chỉ đạo thành phố đi kiểm tra, đôn đốc giám sát ở khu phố, ấp; Hỗ trợ một phần kinh phí in ấn biểu mẫu, mua văn phòng phẩm, ... phục vụ cho công tác rà soát.

UBND phường, xã hỗ trợ thêm một phần kinh phí cho thành viên Ban chỉ đạo phường, xã phục vụ công tác kiểm tra, giám sát ở khu phố ấp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố

Tham mưu cho UBND thành phố xây dựng, triển khai, theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch; thành lập Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022; tham mưu giúp UBND thành phố thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại điểm a và d khoản 2 Điều 10 của Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg. Xây dựng kế hoạch tổ chức hội nghị tập huấn cho thành viên Ban Chỉ đạo hai cấp và rà soát viên.

Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc UBND các phường, xã thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo đảm bảo đúng quy trình và thời gian quy định; tổ chức thẩm định kết quả rà soát, tổng rà soát của phường, xã. Tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát về Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh trước ngày 14/12/2022.

Phân công cán bộ cập nhật kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo vào cơ sở dữ liệu phần mềm quản lý chung của tỉnh (nếu có). Kiểm tra và tổ chức phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình của phường, xã trong trường hợp thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc có đơn khiếu nại.

Tổng hợp kết quả hộ gia đình làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình gửi về Sở LĐ-TB&XH để lập dự toán kinh phí hỗ trợ mức đóng Bảo hiểm y tế.

2. Các thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, cận nghèo thành phố

Căn cứ Thông báo phân công nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo thành phố, chủ động phối hợp các ngành và UBND các phường, xã theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy trình, giải quyết khiếu nại phát sinh liên quan đến quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ gia đình làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình ở phường, xã được phân công phụ trách.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội hai cấp

Chỉ đạo hệ thống dọc phối hợp chặt chẽ với UBND cùng cấp trong tổ chức triển khai, giám sát và phản biện xã hội trong thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ gia đình làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình đạt kết quả tốt.

5. Ủy ban nhân dân các phường, xã

Thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ gia đình làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình cấp phường, xã; phân công cán bộ phụ trách, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện của rà soát viên các khu phố, ấp nhằm đảm bảo đúng quy trình, thời gian quy định; kịp thời giải quyết các trường hợp có đơn thư khiếu nại.

Chỉ đạo công chức Văn hóa - Xã hội thực hiện cập nhật thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ gia đình làm nông nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2022 trên địa bàn vào các biểu mẫu tổng hợp theo quy định và file Excel chuyển về phòng LĐ-TB&XH thành phố tổng hợp, báo cáo và cập nhật vào phần mềm quản lý.

Các ban, ngành, đoàn thể thành phố, UBND các phường, xã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này; quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về UBND thành phố (thông qua phòng LĐ-TB&XH) để kịp thời hướng dẫn, giải quyết.

Nơi nhận:

- Sở LĐ-TBXH tỉnh;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Thành viên BCD giảm nghèo thành phố;
- UBND 12 phường, xã;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hồng Linh

